

TRUNG TÂM ANH NGỮ SMARTLEARN



Tổng hợp bài luyện thi Olympic tiếng anh 4

TÀI LIỆU LUYỆN THI OLYMPIC
TIẾNG ANH TIỂU HỌC

SACHHOC.COM



TỔNG HỢP BÀI LUYỆN THI OLYMPIC TIẾNG ANH 4

TRUNG TÂM ANH NGỮ SMARTLEARN
TÀI LIỆU LUYỆN THI OLYMPIC TIẾNG ANH TIỂU HỌC - BÀI LUYỆN SỐ 1
 ---o0o---

I - Bài tập 1: Khoanh tròn một từ khác với các từ còn lại

- | | | | |
|-----------------|--------------|-------------|----------------|
| 1. A. Monday | B. Sunday | C. Friday | D. today |
| 2. A. headache | B. toothache | C. matter | D. fever |
| 3. A. hot | B. weather | C. cold | D. warm |
| 4. A. When | B. How | C. What | D. The |
| 5. A. Subject | B. English | C. Science | D. Music |
| 6. A. American | B. England | C. Vietnam | D. Singapore |
| 7. A. blue | B. green | C. white | D. bear |
| 8. A. elephant | B. zoo | C. tiger | D. monkey |
| 9. A. shorts | B. T-shirt | C. circus | D. jean |
| 10. A. engineer | B. cinema | C. school | D. bookshop |
| 11. A. These | B. Apple | C. Milk | D. Banana |
| 12. A. Pen | B. Ruler | C. Doll | D. Notebook |
| 13. A. Play | B. Classroom | C. Swim | D. Dance |
| 14. A. From | B. In | C. On | D. They |
| 15. A. Sorry | B. Where | C. Who | D. What |
| 16. A. Pen | B. Pencil | C. Crayon | D. Shoes |
| 17. A. Tivi | B. Radio | C. Computer | D. Book |
| 18. A. Read | B. Write | C. Listen | D. Learn |
| 19. A. Finger | B. Toe | C. Body | D. Head |
| 20. A. Desk | B. Cooker | C. Table | D. Chair |
| 21. A. tiger | B. monkey | C. place | D. bear |
| 22. A. stamp | B. book | C. dance | D. post office |
| 23. A. white | B. blouse | C. red | D. blue |
| 24. A. black | B. T- shirt | C. skirt | D. dress |
| 25. A. fish | B. chicken | C. juice | D. meat |
| 26. A. teacher | B. doctor | C. engineer | D. food |
| 27. A breakfast | B. lunch | C. drink | D. dinner |
| 28. A. like | B. orange | C. apple | D. banana |
| 29. A. school | B. book | C. notebook | D. pen |
| 30. A. stamp | B. climb | C. swing | D. jump |

II - Nối các câu trong cột B phù hợp với cột A

A	B
1. Where are you from?	a. It's in May.
2. When's your birthday?	b. I'm ten years old.

3. How old are you?	c. No, I can't
4. Would you like some milk?	d. I'm from Vietnam
5. Can you swim?	e. Yes, please

A	B
0. What's your name?	a. My name's Hung
1. Where is Alan from?	b. Yes, she does.
2. I'm sorry. I'm late.	c. I like Music and science.
3. What subjects do you like?	d. Yes, I can.
4. Can you play football?	e. Not at all.
5. Does she like English?	f. There are twelve books.
6. How many books are there on the shelf?	g. He is from Singapore

A	B
1. Hi Nam, How are you?	a. Yes, I do.
2. I'm fine, thanks. What are you doing?	b. I go to school at seven o'clock.
3. Do you like English?	c. I'm well. And you?
4. What time do you go to school?	d. I have lunch at 12 o'clock.
5. What time do you have lunch?	e. I'm learning English.

A	B
1. What time do you go to bed?	a. My favourite food is hamburger.
2. What subjects do you like?	b. Because I want some books.
3. What's your favourite food?	c. No, thank you.
4. What colour are your shoes?	d. I like English and Music.
5. Would you like an orange?	e. They're brown.
6. Why do you want to go to the bookshop?	f. At 9 p.m.

TRUNG TÂM ANH NGỮ SMARTLEARN
TÀI LIỆU LUYỆN THI OLYMPIC TIẾNG ANH TIỂU HỌC - BÀI LUYỆN SỐ 2
---o0o---

I - Bài tập 1: Hoàn thành bài hội thoại sử dụng từ cho sẵn

1.

thanks	have	Math	are	What
--------	------	------	-----	------

- A. Hi, Nam. How (1)..... you?
B. I'm fine, (2).....
A. Do you (3)..... English today?
B. No, we don't
A. (4)..... subjects do you have today?
B. (5)..... and science.

2.

English	like	What	read	Monday
---------	------	------	------	--------

- A: Do you like English?
B: Yes, I do. I (1)very much.
A: When do you have (2)?
B: I have it on (3)and in Friday.
A: (4)do you do during English lesson?
B: I learn to (5)and write in English.

3.

what	like	drink	favourite
------	------	-------	-----------

- Lan: I like fish. _____ about you?
Peter: I like chicken. It's my _____ food.
Lan: Do you _____ fruit juice?
Peter: Yes. I like orange juice. It's my favourite _____.

4.

bookshop	post office	want	books
----------	-------------	------	-------

- Lili: I _____ some stamps.
Mai: Let's go to the _____.
Lili: I want some _____.
Mai: Let's go to the _____.

5.

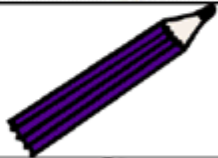
animals	jump	circus	dance	climb	swing
---------	------	--------	-------	-------	-------

- Linda and her friends are at the _____ now. They like the _____ very much. Linda likes monkeys because they can _____. Peter likes tigers because they can _____. John likes bears because they can _____. Nga likes elephants because they can _____.

II - Bài tập 2: Hoàn thành câu sau sử dụng tranh gợi ý

Bài tập 2. Em hãy hoàn thành các câu sau, sử dụng các tranh gợi ý.

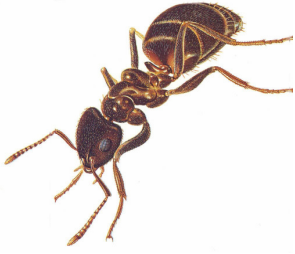
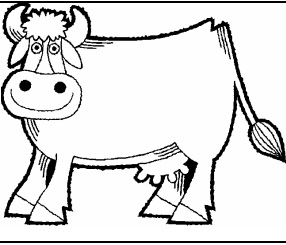
Ví dụ:

This is my <i>schoolbag</i> .	
1. He is reading a now.	
2. I want to be a	
3. This is my	
4. I have a beautiful	
5. I like listening to	

6. He is	
7. She is	
8. They arefootball.	
9. There is a.....	
10. There are four	

TRUNG TÂM ANH NGỮ SMARTLEARN
TÀI LIỆU LUYỆN THI OLYMPIC TIẾNG ANH TIỂU HỌC - BÀI LUYỆN SỐ 3
 ---o0o---

I - Bài tập 1: Cool pair matching (Tìm cặp đôi thích hợp rồi đánh số tương ứng vào hình vẽ)

			
1 - Hand	2 - Bee	3 - Duck	4 - Bus
			
5 - Ant	6 - Smile	7- Comb	8 - Fire
			
9 - Cloud	10 - Cry	11 - Farmer	12 - Cow
			
13 - Stove	14 - Tree	15 - Ear	16 - Eyes
			
17 - Frog	18 - Two breads	19 - Sink	20 - Spoon

II - Bài tập 2: Find the way to honey. (Tìm đường đến lọ mật ong)

1. Where are you __ om?
2. What a __ you doing?
3. I am __ stening to music.

4. How _ _d are you?
5. There are _ _ven cows.
6. My moth_ _ is cooking.
7. I ha_ _ English class on Tuesday and Fri_ _y.
8. I wa_ _ some apples.
9. Do you _ _ke bread? - Yes, I do.
10. I have two sp_ _ ns.
11. There are n_ _ e frogs.
12. This paper is wh_ _e.
13. What co_ _r is it? - It is black.
14. There are ten _ _ees in the garden.
15. He _ _ ten years old.

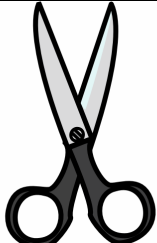
III - Leave me out (Tìm một từ thừa và loại bỏ)

1. COSLD	2. TEZACHER	3. ENJGINEER	4. STPOON
5. MOHKEY	6. COMQPUTER	7. EINGHT	8. FALRMER
9. BOASRD	10. CZLOUD	11. STWING	12. BAXNANA
13. COGME	14. SAYTURDAY	15. CONMB	16. DTUCK

17. THSERE	18. EAWR	19. HAMND	20. WVANT
21. YETAR	22. ELUEPHANT	23. BEOAR	24. TUESDAY
25. PIGCTURE	26. CKLASS	27. WTHERE	28. LENTTER
29. WQARM	30. RAUINY	31. THEHIR	32. MWUSIC

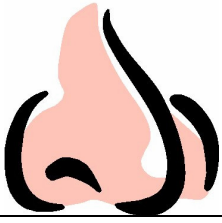
IV - Smart monkey (Chú khỉ thông minh - Đánh số tương ứng vào hình vẽ)

			
1 - Candle	2 - Umbrella	3 - Sad	4 - Jump rope

			
5 - Scissors	6 - Angry	7 - Bed	8 - Towel

TRUNG TÂM ANH NGỮ SMARTLEARN
TÀI LIỆU LUYỆN THI OLYMPIC TIẾNG ANH TIỂU HỌC - BÀI LUYỆN SỐ 4
 ---o0o---

I - Bài tập 1: Cool pair matching (Tìm cặp đôi thích hợp rồi đánh số tương ứng vào hình vẽ)

			
1 - Fan	2 - Nose	3 - Rainbow	4 - Living room
			
5 - Vegetable	6 - Nurse	7- Play chess	8 - Fork
			
9 - Toilet	10 - Curtain	11 - Bathroom	12 - Worker
			
13 - Kitchen	14 - Truck	15 - Bowl	16 - Finger
			
17 - Forest	18 - Foot	19 - Cat	20 - Knife

II - Bài tập 2: Find the way to honey. (Tìm đường đến lọ mật ong)

1. Ho_ many people are there?
2. Th_ _ e are five people.
3. C_ _ you swim?
4. Do you _ _ ke English?
5. They _ _ e singing.

III - Sử dụng từ gợi ý để viết thành câu hoàn chỉnh.

1. My mother / teacher

.....

2. When / have / English?

.....

3. I / to school / 6.30 a.m

.....

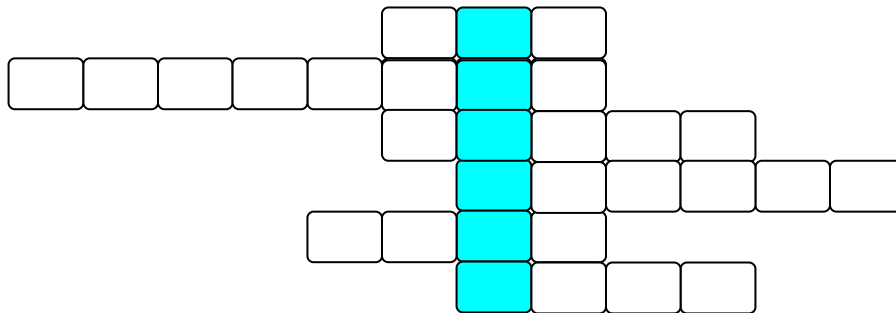
4. Nice to / you

.....

5. There / four / books / the table

.....

IV. ĐỐ VUI : Em hãy điền các chữ vào ô trống để được 6 từ hàng ngang (theo gợi ý tranh bên dưới), viết từ khoá ở hàng dọc và dịch nghĩa tiếng Việt của từ đó

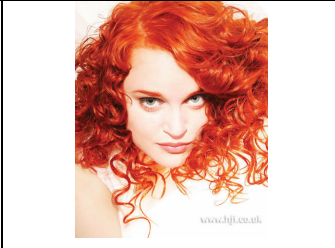
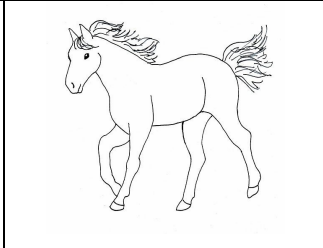
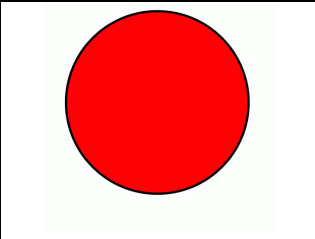
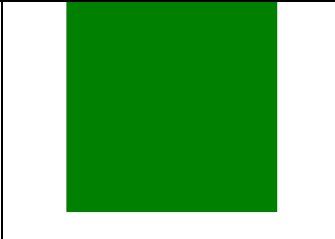
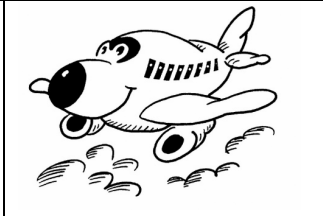
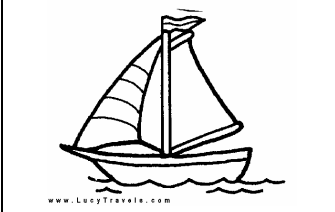


Từ khoá:



TRUNG TÂM ANH NGỮ SMARTLEARN
TÀI LIỆU LUYỆN THI OLYMPIC TIẾNG ANH TIỂU HỌC - BÀI LUYỆN SỐ 5
 ---o0o---

I - Bài tập 1: Cool pair matching (Tìm cặp đôi thích hợp rồi đánh số tương ứng vào hình vẽ)

			
			
			
			
1 - Bicycle	2 - Red Circle	3 - Plane	4 - Two Dolls
5 - Motorbike	6 - Boat	7- Red Hair	8 - Three combs
9 - Crocodile	10 - Three Socks	11 - Horse	12 - Green Square
13 - Bicycle	14 - Hat	15 - Blue Duck	16 - River

II - Bài tập 2: Find the way to honey. (Điền từ thích hợp vào mỗi dấu “_”)

1. _ _ _ many people are there?
2. There _ _ _ five people.
3. _ _ _ you swim?
4. _ _ you like English?
5. They _ _ _ singing.
6. She gets up _ _ six o'clock.
7. He _ _ playing soccer.

III - Sentence Order (Sắp xếp lại câu cho đúng).

am	I	years	old	eight.		
two	are	There	apples.			
monkey	swinging.	is	The			
is	tree.	This	green	a		
chicken	He	very	likes	much.		
sister	fish.	His	likes			
name	is	Nam.	His			
can	well.	speak	She	English		
Mary	bed	to	at	goes	five	o'clock.

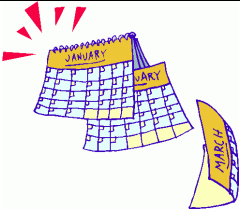
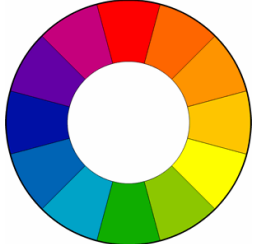
IV. Em hãy điền các con chữ vào ô trống để được 5 từ chỉ các đồ vật ở hàng ngang theo 1 từ cho sẵn và viết từ khóa ở hàng dọc và bên dưới.

								
								
								
								
		D	O	G				
								

Từ khóa:

TRUNG TÂM ANH NGỮ SMARTLEARN
TÀI LIỆU LUYỆN THI OLYMPIC TIẾNG ANH TIỂU HỌC - BÀI LUYỆN SỐ 6
 ---o0o---

I - Bài tập 1: Cool pair matching (Tìm cặp đôi thích hợp rồi đánh số tương ứng vào hình vẽ)

			
Lithng ❶ Yât ❷ Yih ❸ Sâm ❹ Sei ❺ Mih ❻ Luhk ❼ Chât ❽ Baat ❾ Gâu ❿ Sahp ⓫			
			
			
1 - Badminton	2 - Football	3 - Cup	4 - Singer
5 - Calendar	6 - Colour	7- Number	8 - Glass
9 - Train	10 - Newspaper	11 - Zoo	12 - Shoes
13 - Keyboard	14 - Running	15 - Swimming pool	16 - Ambulance

II - Bài tập 2: Find the way to honey. (Điền từ thích hợp vào mỗi dấu “_”)

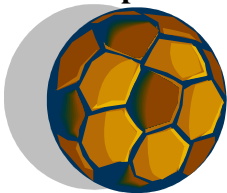
- What ti _ _ do you get up?
- What subjects d _ _ _ she like?
- Does his mot _ _ _ go there by bus?
- W _ _ _ does he do?
- What colour a _ _ _ they?
- Because I w _ _ _ to see animals

7. She likes Ma _ _ and Music
8. Lan's mother is 45 ye _ _ _ old.
9. She goes to wo _ _ at seven.
10. She has lun _ _ at 12 o'clock.

III. Circle the odd one out (Khoanh tròn 1 từ khác với từ còn lại)

- | | | |
|------------|-------------|--------------|
| a. read | b. write | c. letter |
| a. doctor | b. nurse | c. school |
| a. sit | b. doing | c. stand |
| a. playing | b. swimming | c. badminton |
| a. always | b. never | c. usually |

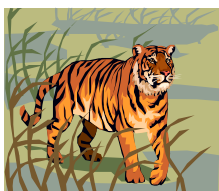
IV. Complete these sentences with the pictures (Hoàn thành câu với các bức tranh sau)



a. This is a.....



b. He goes to school by.....



c. That's a.....



d. I like.....



f. S1: What does Mrs Smith do?

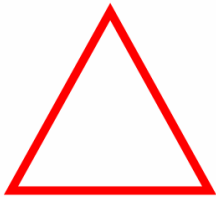
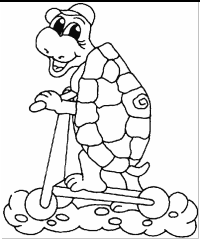
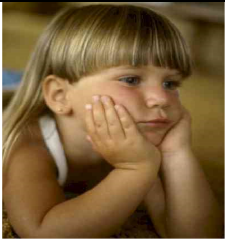
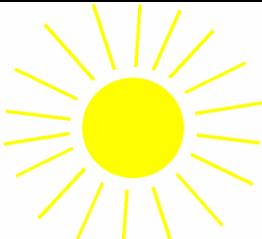
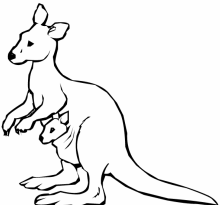
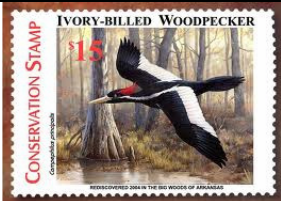
S2: She's a

V - Sentence Order (Sắp xếp lại câu cho đúng).

want	Tony	be	a	to	swimmer.	good
five	are	people	in	There	his	family.
can	She	well.	speak	very	English	
I	a	dog.	have	beautiful		

TRUNG TÂM ANH NGỮ SMARTLEARN
TÀI LIỆU LUYỆN THI OLYMPIC TIẾNG ANH TIỂU HỌC - BÀI LUYỆN SỐ 7
 ---o0o---

I - Bài tập 1: Cool pair matching (Tìm cặp đôi thích hợp rồi đánh số tương ứng vào hình vẽ)

			
			
			
			
1 - Triangle	2 - Camera	3 - a girl	4 - Kangaroo
5 - Suitcase	6 - Bag	7- Moon	8 - Turtle
9 - Coffee	10 - a boy	11 - Sun	12 - Dress
13 - Book bag	14 - Clock	15 - Stamp	16 - Envelope

II - Bài tập 2: Find the way to honey. (Điền từ thích hợp vào mỗi dấu “_”)

- Th _ _ is my classroom.
- There are ma _ _ books in it.
- Those are our _ _ okshelf.
- They _ _ e interesting.
- I have Engli _ _ on Tuesday and F _ _ day.
- When _ o you have Maths?
- I learn to read and wri _ _ in English.

8. There are twent_ desks in my _ _ _ ssroom.
9. What's your favourite _ _ _ ject ?
10. Wh _ _ do you do during Informatics lessons ?

III. Chọn từ đúng và khoanh tròn.

1. Those are my_____
A. pen B. pens C. a pen
2. _____ do you have Science ?
A. When B. Why C. What
3. I have Art_____ Monday.
A. on B. in C. during
4. I sing songs during _____ lesson.
A. Art B. Music C. Maths

IV. Match colum A with colum B :

A	B
1. What time do you go to bed?	a. My favourite food is hamburger.
2. What subjects do you like?	b. Because I want some books.
3. What's your favourite food?	c. No, thank you.
4. What colour are your shoes?	d. I like English and Music.
5. Would you like an orange?	e. They're brown.
6. Why do you want to go to the bookshop?	f. At 9 p.m.

1..... 2. 3..... 4..... 5..... 6.....

V. Select and tick (✓) the letter A,B or C:

1. What time does have breakfast?
☐ A. he ☐ B. they ☐ C. you
2. What are your pencils? They are red.
☐ A. colour ☐ B. time ☐ C. would
3. Do you have English today? No,.....
☐ A. I am ☐ B. I do ☐ C. I don't
4. I am hungry. Let's go to the.....
☐ A. food stall ☐ B. post office ☐ C. circus
5.she work from 7.00a.m to 5.00 p.m?--> Yes, she does.
☐ A. Do ☐ B. Does ☐ C. Did

VI. Complete the dialogue with appropriate words

too	dance	swing	Why	from	elephants	about	sing	very
-----	-------	-------	-----	------	-----------	-------	------	------

Nam: Do you like, Alan?

Alan: Yes. I love them..... much.

Nam:do you like them?

Alan: Because they can..... And what you?

Nam : I love them

TRUNG TÂM ANH NGỮ SMARTLEARN
TÀI LIỆU LUYỆN THI OLYMPIC TIẾNG ANH TIỂU HỌC - BÀI LUYỆN SỐ 8
---o0o---

Bài tập 1. Em hãy khoanh tròn một từ khác với các từ còn lại.

Ví dụ:

A. student

B. worker

C. teacher

D. cooker

1. A. chicken

B. bread

C. food

D. rice

2. A. math

B. subject

C. science

D. music

3. A. breakfast

B. lunch

C. dinner

D. have

4. A. house

B. father

C. mother

D. brother

5. A. headache

B. toothache

C. doctor

D. fever

Bài tập 2. Em hãy hoàn thành các tranh sau, sử dụng các tranh gợi ý:

I'd like a*hambergur*.....



1. My father is a



2. I am at the moment.



3. Nam and Alan is going tonext Sunday



4. Mai always at 7 a.m



5. Would you like an

Bài tập 3. Em hãy xếp các câu trong cột B sao cho phù hợp với nội dung các câu trong cột A.

A	B
1. Where are you from?	a. Because I want a hamburger.
2. How often do you play football?	b. It's my favorite drink.
3. I like milk very much.	c. I'm from London.
4. What did you do yesterday?	d. Yes, I am.
5. Are you going to ride a bike tomorrow?	e. Sometimes.
6. Why do you go to the food stall?	f. We went to the cinema.

Em hãy ghi đáp án vào ô sau:

1. ...c..... 2..... 3..... 4..... 5..... 6.....

Bài tập 4. Em hãy hoàn thành đoạn hội thoại sau, sử dụng các từ cho sẵn:

works thirty- nine her nurse where

A: What's your mother's name?

B: (1)..... name is Lan.

A: How old is she?

B: She is (2).....

A: What does she do?

B: She works as a (3)

A: (4).....does she work?

B: She (5) in a hospital.

PHẦN II. ĐỌC HIỂU	10 Câu	10 điểm
--------------------------	--------	---------

Bài tập 1. Em hãy đọc đoạn văn và điền các thông tin vào bảng sau:

My best friend is Le Van Tam. He's ten years old. He lives at 26 Ly Thuong Kiet Street in Hanoi with his mother, father and his elder brother. He's a student at Quang Trung Primary School. He's tall and thin. He has short black hair. His close friends are Minh, Bao and me. His telephone number is 04.3.668.752.

Name:	<i>Le Van Tam</i>
1. Age	
2. Home Address	
3. Job	
4. School	

5. Telephone Number	
---------------------	--

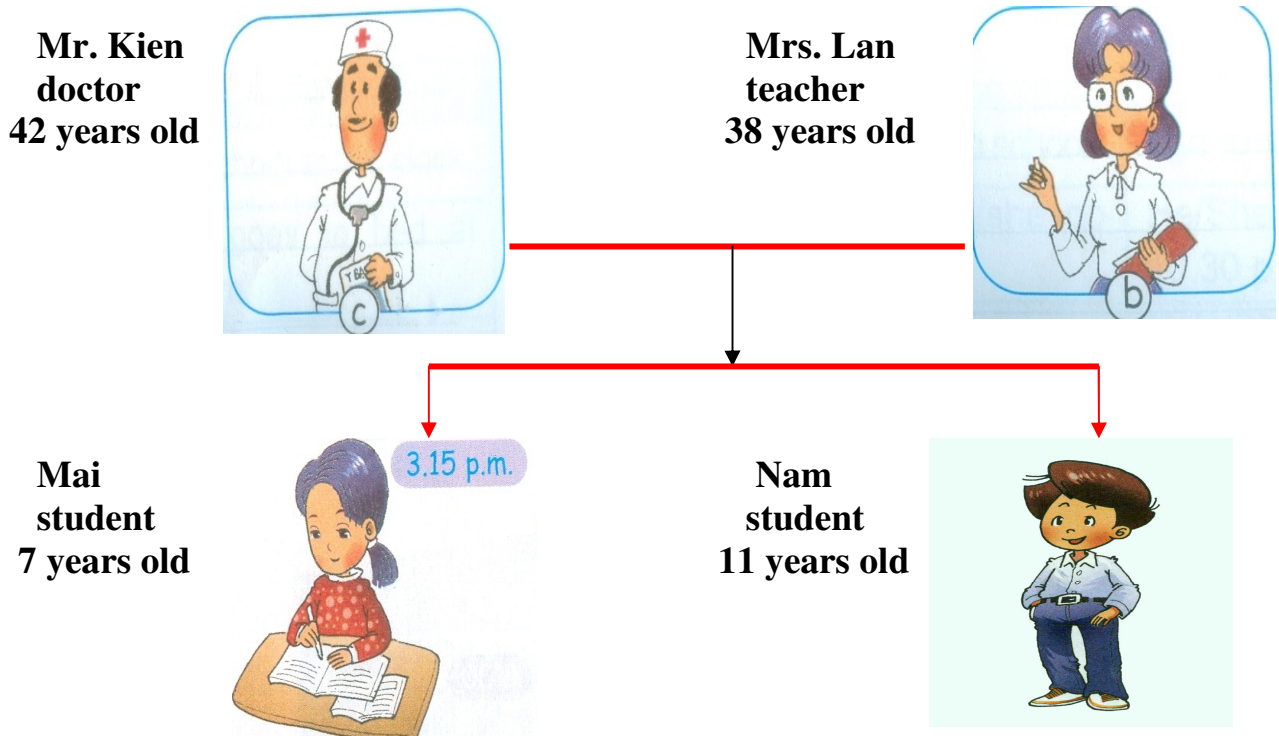
Bài tập 2. Em hãy đọc đoạn văn sau rồi đánh dấu (√) vào ý True (đúng) hoặc False (sai) cho các câu dưới đây.

There are four seasons in Vietnam. They are spring, summer, autumn and winter. The weather in spring is usually fine and warm. Summer is always very hot and it often rains. It is a rainy season. It is cool and windy in autumn. Winter is a dry season. It is often cloudy and cold. The days in winter are short and the nights are long.

	True	False
1. There are four seasons in Vietnam.	☐	☐
2. It's usually fine and warm in spring.	☐	☐
3. It doesn't rain in summer.	☐	☐
4. It's often cloudy and cold in winter.	☐	☐
5. The days in winter are long.	☐	☐

PHẦN III. VIẾT	4 ý	10 điểm
-----------------------	------------	----------------

Em hãy dựa vào cây gia đình và viết về gia đình bạn Nam.



This is Nam's family. His father is

TRUNG TÂM ANH NGỮ SMARTLEARN
TÀI LIỆU LUYỆN THI OLYMPIC TIẾNG ANH TIỂU HỌC - BÀI LUYỆN SỐ 9
---o0o---

Họ và tên :

Thời gian làm bài: 40 phút

Bài 1: Circle the best answer (khoanh tròn vào đáp án mà em cho là đúng nhất)(1.5 điểm)

1. Where is Mai from? - She is from _____.
A. England B. Singapore C. America D. Vietnam
2. _____ is your birthday?
A. What B. When C. Where D. Who
3. June, July, August, _____.
A. November B. December C. September D. October
4. Would you like _____ ice-cream?
A. some B. a C. an D. the
5. _____ you swim? - Yes, I can.
A. Do B. Can C. Are D. Is
6. _____ subjects do you have on Thursday?
A. When B. Why C. Where D. What

Bài 2: Circle the odd one out (khoanh tròn vào từ khác loại với các từ còn lại) (1.0 điểm)

1. May April March birthday
2. swim dance play game
3. English Vietnamese Art Vietnam
4. Why Where When Does

Bài 3: Choose the right words to fill in the blank (Với các từ cho sẵn, chọn và điền vào chỗ trống cho phù hợp (3.0 điểm))

Vietnamese, Why, ride, have, an, June

1. I can.....a bike.
2. Do you.....Maths today?
3. I haveand English.
4. His birthday is in
5. do you like Informmatics?
6. Would you like.....apple?

Bài 4: Match a sentence in column A with a right sentence in column B (Nối các câu ở cột A cho phù hợp với các câu ở cột B. Viết đáp án ở cột trả lời) (1.5 điểm)

A	B	Trả lời
0. What's your name?	a. My name's Hung	0,a.....

1. Where is Alan from?	b. Yes, she does.	1,.....
2. I'm sorry. I'm late.	c. I like Music and science.	2,.....
3. What subjects do you like?	d. Yes, I can.	3,.....
4. Can you play football?	e. Not at all.	4,.....
5. Does she like English?	f. There are twelve books.	5,.....
6. How many books are there on the shelf?	g. He is from Singapore	6,.....

Bài 5: Read the passage and answer the question (Đọc đoạn văn và trả lời câu hỏi) (2.0 điểm)

Hi. I am Alan. I am from Singapore. I am a student. Today I have Maths, Science, Informatics and Music. I like Informatics because I like to play games very much. Science lessons are also interesting for me because I learn a lot about animals and plants.

1. What's his name?

.....

2. Where is he from?

.....

3. What subjects does he have today?

.....

4. Does he like Informatics? Why or why not?

.....

Bài 6: Write the question for the following answer (Viết câu hỏi cho các câu trả lời sau) (1.0 điểm)

0. When is your birthday ?

It's in June.

1.?

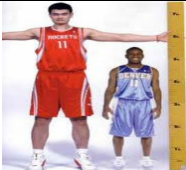
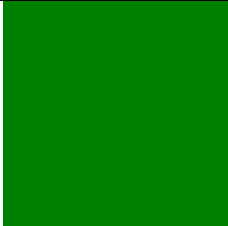
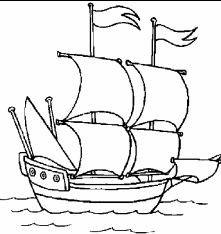
There are fourteen notebooks in the school bag.

2.?

Because I like to draw.

TRUNG TÂM ANH NGỮ SMARTLEARN
TÀI LIỆU LUYỆN THI OLYMPIC TIẾNG ANH TIỂU HỌC - BÀI LUYỆN SỐ 10
 ---oOo---

I - Bài tập 1: Tìm cặp đôi thích hợp rồi đánh số tương ứng vào hình vẽ

			
			
			
			
1 - Tall	2 - Plane	3 - Giraffe	4 - Cup
5 - Sheep	6 - Road	7- Tea	8 - Three ropes
9 - Blue sea	10 - Mother	11 - Engineer	12 - Green square
13 - Pink towel	14 - Television	15 - Paddy	16 - Boat

II - Bài tập 2: Điền từ thích hợp

1. What ti _ _ do you get up?
2. What subjects d _ _ _ she like?
3. Does his mot _ _ _ go there by bus?
4. W _ _ _ does he do?
5. What colour a _ _ _ they?
6. Because I w _ _ _ to see animals
7. She likes Ma _ _ and Music
8. Lan's mother is 45 ye _ _ _ old.
9. She goes to wo _ _ at seven.
10. She has lun _ _ at 12 o'clock.

III. Khoanh tròn 1 từ khác với từ còn lại

- | | | |
|------------|--------------|----------|
| a. white | b. red | c. color |
| a. tiger | b. fish | c. sheep |
| a. my | b. your | c. he |
| a. reading | b. swimming | c. play |
| a. books | b. notebooks | c. book |

IV. Tìm và bỏ một từ thừa trong các từ sau.

B R O W J N	B O O K S T E O R E	W O K T E R
T I G E Y R	C O M P U H T E R	M O U S U E
P A P U E R	J A N U E A R Y	M U L C H
A M E D R I C A	M O R N D A Y	J U R M P
C H O C O L R A T E	C A B N D Y	C A N D T L E

V - Sentence Order (Sắp xếp lại câu cho đúng).

1. at , he , breakfast , o'clock , has, seven

.....

2. some , juice, you , like , would , fruit ,

.....

3. like , and , blue , I , green .

.....

4. animals , you , what , like , do .

.....

5. to , stamps , I , buy , and , envelops , want .

.....

6. They . like , I . can , because , monkeys , swing .

.....

7. to , the , Long , with , goes , zoo , often , friends , his .

.....

8. my , is , favourite , juice , drink , orange .

.....

9. at , lunch, We , eleven , have , o'clock .

.....

10. mother , in , hospital , works , His , a

.....

TRUNG TÂM ANH NGỮ SMARTLEARN
TÀI LIỆU LUYỆN THI OLYMPIC TIẾNG ANH TIỂU HỌC - BÀI LUYỆN SỐ 1
---o0o---

I. PHÂN KIẾN THỨC NGÔN NGỮ (20 CÂU- 10 ĐIỂM)

Bài 1: Em hãy khoanh tròn chữ cái chỉ một phương án khác với các từ còn lại

- 1 A.maths B.science C.VietNam D.moral
2 A.picnic B.baseball C.basketball D. volleyball
3 A.teacher B.nurse C.cooker D.worker
4. A. catch B.jump C.throw D.with
5. A. thirsty B. hungry C. strong D. full

Bài 2: Em hãy khoanh tròn vào chữ cái chỉ phương án đúng.

- 1.what's your favorite.....?I like orange juice.
A.color B.subject C.pet D.drink
2.Jenny:This is for you John:.....
A.thank your B.thank you C.thank D.you are welcome
3.When is your birthday? It's.....May 6th 1998.
A.to B.on C.in D.at
4.....you like spiders?-.....,I do.
A.Do/yes B.Can/yes C.Are/yes D.Do/no
5.Can the.....fly?-Yes,it can.
A.dog B.frog C.spider D.bird
6.How old is your father?He is.....
A.very old B.not old C.young D.forty
7.Is this.....book?Yes,it's my book
A.her B.my C.his D.your
8.Do you like rabbits or birds?
A.yes, I do B.yes, they are C.No, they don't D.I like birds
9.I like Maths but my friends.....
A.like/doesn't B.likes/doesn't C.like/don't D. likes/ don't
10.I usually go to school.....bicycle orfoot.
A.by/on B.by/by C.by/in D.in/on.

Bài 3 :Từ nào sau đây có cách đọc ở phần gạch chân khác với các từ còn lại:

11. A. sit B. live C. big D. time
12. A. ball B. cat C. can D. bag
13. A. fine B. five C. little D. nine
14. A. doll B. robot C. for D. hot
15. A. mother B. thin C. father D. the

II. Phần đọc hiểu (20 CÂU-10 ĐIỂM)

Bài 1:Đọc đoạn văn sau và điền thông tin vào bảng dưới đây

My name is Laura .I'm eleven years old.I'm English.I was born on 25th December 1998 in London.Now I'm living at 16 North street London with my parents.I'm a student at Serwood primary school . My favorite sports are pingpong and chess.

Name.....

Age.....

Date of birth.....

Address.....

Favorite sport.....

Bài 2:Đọc đoạn văn sau rồi điền một từ thích hợp vào chỗ trống và trả lời câu hỏi.

My name is Scott.I'm ten(1).....old.(2).....are four people
(3).....my family.My(4).....is a teacher.He is forty- one years
old.His(5).....food is chicken.My mother is a(6).....,too.
(7).....is thirty nine years old.She(8).....sing English songs.My brother
is(9).....student.He is fifteen years old.He's tall and thin.He can fly a kite but
I(10).....not.

1.Are there four people in John's family?

.....

2.How old is his father?

.....

3.What can his mother do?

.....

4.Is his brother fat and tall?

.....

5.Can John fly a kite?

.....

III. Phần viết(5 câu-10 điểm) Em hãy dùng từ gợi ý ở đầu câu thứ 2 viết lại câu thứ nhất sao cho nghĩa không thay đổi.

1.My friend walks to school at 6.30am.

My sister goes.....

2.There are many flowers in our school

Our school.....

3.My class has twelve boys and eight girls

There.....

4.Are there a TV in her room?

Does.....

5.It is a school bag.The school is big.

It is a.....

IV. Phần trò chơi ngôn ngữ (10câu-10 điểm)

Em hãy tìm và khoanh tròn 5 từ chỉ về nghề nghiệp và 5 từ chỉ đồ dùng học tập ở hàng ngang ,hàng dọc và hàng chéo trong ô chữ dưới đây.

D	P	I	L	O	T	C	F
C	O	O	K	E	R	R	A
T	M	C	G	R	E	A	R
E	P	A	T	E	N	Y	M
A	B	E	R	O	C	O	E
C	L	E	N	K	R	N	R
H	S	T	U	D	E	N	T
E	R	A	S	E	R	R	K
R	U	L	E	R	B	O	X
A	F	T	K	P	N	O	J

REVIEW FOR GRADE

I . Circle the odd one out : (Khoanh tròn từ khác loại)

- | | | | | |
|-----|-----------|----------|----------|-------------|
| 1. | tiger | monkey | place | bear |
| 2. | stamp | book | dance | post office |
| 3. | white | blouse | red | blue |
| 4. | black | T- shirt | skirt | dress |
| 5. | fish | chicken | juice | meat |
| 6. | teacher | doctor | engineer | food |
| 7. | breakfast | lunch | drink | dinner |
| 8. | like | orange | apple | banana |
| 9. | school | book | notebook | pen |
| 10. | stamp | climb | swing | jump |

II.Reorder the words to make the sentences: (Sắp xếp các từ sau thành câu hoàn chỉnh):

1. time/ what / do / you/ to / go / school/?/

2. her/ what /is / job/?/

3. what / her / favourite/ is / food/?

4. you/ like/ would/ some/ noodles/?/

5. animals/ what/ Nam / does/ like/?/

6. Linda / like / doesn't / tigers./

7. go/ to / the / let's / post office./

8. why / you / want / do / to / go / there / ?/

9. is / engineer/ she / an / ./

10. Peter / apple / likes / juice/ ./

III. Complete the dialogues and passages with the words given in the box: (Hoàn thành đoạn đối thoại và đoạn văn bằng cách điền vào chỗ trống với các từ cho sẵn trong khung):

a.

what	like	drink	favourite
------	------	-------	-----------

Lan: I like fish. _____ about you?

Peter: I like chicken. It's my _____ food.

Lan: Do you _____ fruit juice?

Peter: Yes. I like orange juice. It's my favourite _____.

b.

bookshop	post office	want	books
----------	-------------	------	-------

Lili: I _____ some stamps.

Mai: Let's go to the _____.

Lili: I want some _____.

Mai: Let's go to the _____.

c.

animals	jump	circus	dance	climb	swing
---------	------	--------	-------	-------	-------

Linda and her friends are at the _____ now. They like the _____ very much. Linda likes monkeys because they can _____. Peter likes tigers because they can _____. John likes bears because they can _____. Nga likes elephants because they can _____.

IV . Complete the sentences, using suggestions: (Hãy hoàn thành câu , sử dụng từ gợi ý)

1. A : I want some books and notebooks

B : Let's go to the(bookshop / food stall)

2. A: I want some stamps

B : Let 's go to the(hospital / post office)

3. I like tigers because they can(dance / jump)

4. I like orange juice . It's my favourite(drink / food)

5. My sister likes a hamburger . It 's her favourite(food / swing)

6. A: I want some milk .

B: Let 's go to the(food stall / bookshop)

7. A: I want some bananas .

B: Let 's go to the(supermarket / circus)

8. A: I want to see the animals .

B: Let 's go to the(school / circus)

9. I like monkeys because they can(dance / swing)

10 . I like bears because they can(climb / swing)

V . Read and complete:

a. I am Nam . I often go to the zoo with my friends Mai , Phong and Phuong . I like elephants because they can dance . Phong and Phuong like bears because they can jump and climb . Mai likes monkeys because they can swing . We like the zoo very much.

1. Nam likes

2. Phong and Phuong like

3. Mai likes

4. Bears can.....and

b. There are many places near our school : a post office , a supermarket , a food stall and a bookshop . We go to the post office to buy stamps and send letters. We go to the bookshop to buy books , pens and pencils . We go to the supermarket to do some shopping. Well, I am very hungry and I want to eat now . Let's go to the food stall.

Places	Things to do
A post office	
A supermarket	
A food stall	
A bookshop	

c. This is my mother. Her name is Lan. She is a doctor. She works in a hospital. She goes to work at 7.00 a.m. She arrives home at 5.00 p.m. In the evening, she watches TV and plays with her children. She goes to bed at 10.30 p.m.

1. My mother is a.....

2. She works in a

3. She goes to work at

4. She and in the evening.

VI. Select and circle the letter a,b or c : ((Chọn câu trả lời đúng a, b hay c)

1. Why do you like bears ?

a. Because they can sing.

b. Because they can read.

c. Because they can climb .

2. Why do you go to the food stall ?
 - a. Because I want some books .
 - b. Because I want some hamburgers .
 - c. Because I want some stamps .
3. I like the animals . Let 's go to the
 - a. supermarket
 - b. post office
 - c. circus
4. Whatis it ?
 - a. animals
 - b. colour
 - c. stamp
5. What time is it?
 - a. It's time for bed.
 - b. I go to bed at 9 p.m.
 - c. It's 9 o'clock.
6. What time do you have lunch?
 - a. It's time for lunch.
 - b. At 12 o'clock.
 - c. It's 12 o'clock.
7. What 's his job?
 - a. She is a student.
 - b. I'm a student.
 - c. He is a student.
8. I like milk very much.
 - a. It's my favourite food.
 - b. It's my favourite drink.
 - c. It's my favourite food and drink.
9. Would you like some bananas?
 - a. Yes, please.
 - b. Yes, I am.
 - c. Yes, I do.
10. I'm..... I'd like some rice and some water.
 - a. hungry and thirty
 - b. hungry
 - c. thirty

A.LANGUAGE FOCUS

I.Circle the odd one out

- | | | |
|------------|-------------|--------------|
| a. read | b. write | c. letter |
| a. doctor | b. nurse | c. school |
| a. sit | b. doing | c. stand |
| a. playing | b. swimming | c. badminton |
| a. always | b. never | c. usually |

II.Fill in the gaps the suitable words using the words given.

Your, her, his, she, father, does, where, works

A: What is your mother's name?

B: (1) name's Huong.

A: How old is (2).....?

B: She's thirsty-seven.

A: What (3)..... she do?

B: She's a nurse.

A: (4) does she work?

B: She (5) at Bach Mai hospital.

III Match questions and answers.

A	B	Đáp án
1. What time do you get up?	a. He's an engineer	1 -
2. What subjects does she like?	b. Because I want to see animals	2 -
3. Does his mother go there by bus?	c. Yellow and white	3 -
4. What does he do?	d. 5.30 p.m	4 -
5. What colour are they?	e. At 5.30 a.m	5 -
6. Why do you want to go to the zoo?	f. Yes, she does	6 -
7. What time is it?	g. Twenty- five thousand Dong	7 -
8. How much are they?	h. She likes Math and Music	8 -

IV.Find and. Correct the mistake in these sentences.

1. We are play hide-and-seek in the schoolyard.

.....

2. Mai and Lan was at Song festival yesterday evening.

.....

3. Tony want to be a good swimmer.

.....

4. A: How often do you go swimming?

B: Never I go swimming. Because I can't swim.

.....

D.READING:

I. Read the text and answer the questions

Hi! His name is Huy. He's eleven years old. He's a student. He lives in a small house in the city. His house is near a park. He gets up at half past five. Then he brushes the teeth and washes his face. He has his breakfast, then he goes to school at half past six. The school is near his house. Classes start at seven o'clock

Questions:

1. What's his name?

.....

2. What does he do?

.....

3. Does he live in the city?

.....

4. What time does he get up?

.....

5. Does he go to school at 6 o'clock?

.....

6. How old is Huy?

.....

II. Choose the best word to complete the passage:

This is our school. It is big. It(1)(is /are / it's) the breaktime now. The students are playing sports and games (2)(at /on/ in)the schoolyard. Hoa and Phong are playing badminton. Lan, Thu and Mai (3)(is /am /are) playing hide-and-seek. There are some students in the classroom. They are (4)
(watching/listening/reading/) funny stories. The students in the corner are playing (5)
.....(games/games/play) They really enjoy playing the games.